

Số: 2886/QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế BVTC-DT kênh Tây các đoạn K21+791 - K30+730, K34+930 - K36+560 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) - Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 4367/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2017 phê duyệt dự án đầu tư Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét các Tờ trình số 07/TTr-TLDTTPH ngày 16/7/2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa về việc phê duyệt thiết kế BVTC-DT kênh Tây các đoạn K21+791 - K30+730, K34+930 - K36+560 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) - Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng; kèm theo Báo cáo thẩm tra số 71A/CV - HEC3 ngày 10/7/2018 do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 thực hiện và hồ sơ thiết kế BVTC-DT các hạng mục trên;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi kèm theo báo cáo thẩm định số 156/BC-TCTL-XDCB ngày 18/7/2018 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế BVTC-DT hạng mục kênh Tây các đoạn Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng với nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên hạng mục:** Gia cố kênh Tây các đoạn K21+791 - K30+730 và K34+930 - K36+560.
- 2. Thuộc dự án:** Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.
- 3. Các chỉ tiêu thiết kế:** Công trình II, mức bảo đảm tưới $P = 85\%$.
- 4. Địa điểm xây dựng:** gồm huyện Tân Biên, Châu Thành và Thành phố Tây Ninh, thuộc tỉnh Tây Ninh.
- 5. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.
- 6. Đơn vị tư vấn lập thiết kế và dự toán công trình:** Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi II - Viện Thủy lợi và Môi trường.
- 7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:**

- Chủ nhiệm dự án	Bùi Hữu Quỳnh
- Đồng chủ nhiệm dự án	Phan Hữu Cường
- Chủ nhiệm khảo sát địa hình	Nguyễn Đức Chiến
- Chủ nhiệm khảo sát địa chất	Lê Hồng Anh
- Chủ trì thiết kế thủy công	Đường Anh Tuấn
- Chủ nhiệm thủy văn, thủy lực	Vương Khánh Út
- Chủ trì dự toán xây dựng	Phạm Thị Hoa Lê
- 8. Đơn vị thẩm tra thiết kế và dự toán công trình:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04 - 05:2011/BNNPTNT Công trình thủy lợi-Các quy định về thiết kế;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04 - 02:2010/BNNPTNT về thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477: 2010 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478: 2010 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118-2012 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055: 2012 Tổ chức thi công;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574-2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8422-2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8299-2009 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép;

Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

10. Nội dung và quy mô xây dựng: theo hình thức sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới.

10.1. Các chỉ tiêu thiết kế như sau:

TT	Đoạn	L(m)	m	B (m)	Hgc (m)	Biện pháp gia cố
1	K21+791 - K24+541	2.750	1,75	12 - 18	4,1 - 4,2	Gia cố 2 mái
2	K24+541 - K25+530	989	1,75	12 - 14	4,2 - 4,0	Gia cố mái + đáy, trừ đoạn cầu máng từ K25+205- K25+425
3	K25+530 - K30+730	5.200	1,75	12 - 18	4,0 - 4,3	Gia cố 2 mái
4	K34+930-K36+560	1.630	1,75	12	3,4	

10.2. Nội dung sửa chữa, nâng cấp:

- Đào, nạo vét đủ mặt cắt những đoạn kênh còn nông, hẹp theo thiết kế;

- Gia cố hai mái các đoạn kênh K21+791 - K24 + 541; K25+530 - K30+730; K34+930 - K36+560, tổng chiều dài 9,58 km, kết cấu bằng BTCT M200 đổ tại chỗ dày 12 cm, phía dưới trải vải lọc và các rãnh thu nước bằng đá dăm, gồm 1 rãnh dọc chân mái và các rãnh ngang mật độ 2 m/ 1 rãnh, kích thước $b \times h = (0,5 \times 0,1)$ m, thoát nước bằng ống PVC $\Phi 34$; dầm chân mái bằng BTCT M200 đúc sẵn kích thước $(0,3 \times 0,5 \times 4)$ m;

- Gia cố mái và đáy kênh đoạn trước, sau cầu máng (K24+541 - K25+205, K25+425 - K25+530), dài 0,769 km, kết cấu bằng BTCT M200 dày 12 cm; đáy kênh được đệm cát dày trung bình 15 cm.

- Nâng cấp hai bờ kênh thành đường quản lý, mặt đường rộng 4 m được gia cố bằng cấp phối sỏi đỏ dày 0,2 m, bố trí hệ thống cọc tiêu.

- Sửa chữa nâng cấp, làm mới các công trình trên kênh đảm bảo an toàn trong quản lý khai thác, gồm: 11 cống tưới đầu kênh cấp 1, 02 cống xả đáy (tại K27+738 và K35+132) và các bậc lên xuống (mật độ trung bình 500 m/ 1 bậc, bố trí so le 2 bờ). Trong đó, cống đầu kênh TN21 (tại K36+244) nâng cấp như sau: hình thức cống ngầm chảy không áp; dài 12,0 m; khẩu độ 5,0 m, gồm 2 khoang (2,5x2,7) m; kết cấu bằng BTCT M200; thượng lưu bố trí cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng máy vít 10VĐ1.

*(Chi tiết xem tập bản vẽ số №797(KT)CD-06-05-(01÷ 06, 10,11);
№797(KT)CD-07-05-(01÷ 03) và №86Đ-DT- 18TK -01, 02, 03)*

11. Dự toán hạng mục công trình:

Giá trị dự toán xây dựng công trình kênh Tây các đoạn K21+791 - K30+730 và K34+930 - K36+560 tính theo mặt bằng giá tháng 6/2018 của tỉnh Tây Ninh là: **152.996.613.000** đồng

(Một trăm năm mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Xây lắp + thiết bị	124.975.635.000 đ
- Chi phí quản lý dự án	1.842.823.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.508.878.000 đ
- Chi phí khác	6.766.529.000 đ
- Chi phí dự phòng	11.902.748.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục 1 kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 2. Bộ giao Chủ đầu tư:

- Thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

- Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán các hạng mục điều chỉnh, phát sinh trong quá trình thi công đảm bảo không vượt kinh phí dự phòng của hạng mục công trình; báo cáo Tổng cục Thủy lợi các điều chỉnh, phát sinh trước khi phê duyệt điều chỉnh. Phê duyệt dự toán các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác thuộc dự án, tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) - Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng; như phụ lục số 2 kèm theo.

Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở NN&PTNT Tây Ninh;
- Kho bạc NN tỉnh Tây Ninh;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL (15b).



**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục 1:

Dự toán hạng mục kênh và CTTK các đoạn K21+791-K30+730; K34+930-K36+560

Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng

(Kèm theo Quyết định số 2886/QĐ-BNN-TCTL ngày 20 tháng 7 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Hạng mục công việc	Kinh phí (1.000 đ)
I	Chi phí xây dựng + thiết bị	124.975.635
1	Kênh và CTTK từ K21+791 ÷ K23+630	21.396.822
2	Kênh và CTTK từ K23+630 ÷ K25+530	20.969.584
3	Kênh và CTTK từ K25+530 ÷ K28+630	37.748.761
4	Kênh và CTTK từ K28+630 ÷ K30+730	25.790.481
5	Kênh và CTTK từ K34+930 ÷ K36+560	19.069.986
II	Chi phí quản lý dự án	1.842.823
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	7.508.878
1	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT	5.849.202
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	86.233
3	Chi phí thẩm tra TDT	82.484
4	Chi phí lập HSMT, PT đánh giá HS dự thầu	76.235
5	Chi phí giám sát thi công	1.414.724
IV	Chi phí khác	6.766.529
1	Phí thẩm định thiết kế BVTC	15.473
2	Phí thẩm định DT	14.791
3	Chi phí thẩm định HSMT	56.807
4	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu	56.807
5	Chi phí bảo hiểm	637.376
6	Chi phí hạng mục chung	4.999.025
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công	150.000
8	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	196.875
9	Chi phí kiểm toán	639.375
V	Chi phí dự phòng	11.902.748
1	Cho khối lượng phát sinh	7.054.693
2	Cho yếu tố trượt giá	4.848.055
	Dự toán (I+II+III+IV+V)	152.996.613

Phụ lục 2:

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) - Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng

(Kèm theo Quyết định số 2886/QĐ-BNN-TCTL ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tên gói thầu	Giá gói thầu (x1000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I							
Các gói thầu xây lắp							
Kênh và CTTK từ K21+791 ÷ K23+630	24.195.355	Trái phiếu Chính phủ	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III/2018	Theo đơn giá điều chỉnh	18 tháng
Kênh và CTTK từ K23+630 ÷ K25+530	23.712.238						18 tháng
Kênh và CTTK từ K25+530 ÷ K28+630	42.685.996						18 tháng
Kênh và CTTK từ K28+630 ÷ K30+730	29.163.670						18 tháng
Kênh và CTTK từ K34+930 ÷ K36+560	21.564.188						18 tháng
II							
Các gói thầu khác							
Giám sát thi công các gói thầu XL1, XL2, XL3, XL4 và XL5	1.414.724	Trái phiếu Chính phủ	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III/2018	Trộn gói	18 tháng
Bảo hiểm công trình các gói thầu XL1, XL2, XL3, XL4 và XL5	637.376	Trái phiếu Chính phủ	Chào hàng cạnh tranh trong nước	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III-IV/2018	Trộn gói	Từ khi khởi công đến khi bàn giao công trình

Lưu ý: Giá gói thầu XL1, XL2, XL3, XL4, XL5 bao gồm chi phí xây dựng + thiết bị, chi phí hạng mục chung và chi phí dự phòng.
Ủ đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt dự toán gói thầu trước khi lựa chọn nhà thầu theo quy định.